TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ
Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2019
V/v Ly hôn giữa anh T và chị K.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hải
2. Ông Nguyễn Văn Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1988; Trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ *(có mặt)*

2. *Bị đơn*: Chị Trương Thị Thanh K, sinh năm 1989; Trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2009, do quen biết, tìm hiểu, anh và chị Trương Thị Thanh K tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu quen biết, tìm hiểu tiến đến hôn nhân, tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị K thường xuyên đến nơi làm việc làm việc của anh đòi tiền và la lối làm ảnh hưởng uy tính, danh dự và công việc. Từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 09/2019

cho đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với chị K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Theo Tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Trương Thị Thanh K trình bày:

Chị K thống nhất lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung và thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T có quan hệ người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải nhau và đã sống ly thân từ tháng 09/2019 cho đến nay. Qua yêu cầu xin ly hôn của anh T, chị K không đồng ý ly hôn, lý do còn thương anh T. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị có ý kiến sau:

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Huỳnh Văn T và chị Trương Thị Thanh K.

Về nuôi con chung: Anh T và chị K xác định không có.

Về tài sản chung: Anh T và chị K xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Anh T và chị K xác định không có.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của các bên thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của anh T và chị K được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng thừa nhận thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau. Theo anh T trình bày là do chị K thường xuyên đến nơi làm việc làm việc của anh đòi tiền và la lối làm ảnh hưởng uy tính, danh dự và công việc. Chị K cho rằng do anh T có quan hệ người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân. Thời gian sống ly thân, vợ chồng xác định không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh T đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa, anh T cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị K. Chị K không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp nào thuyết phục anh T để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh T xin ly hôn với chị K là có cơ sở.

[2.2] *Về con chung*: Anh T và chị K xác định không có.

[2.3] *Về tài sản chung*: Anh T và chị K xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nghĩa vụ chung*: Anh T và chị K xác định không có.

[3] *Án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ly hôn giữa anh Huỳnh Văn T và chị Trương Thị Thanh K là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Huỳnh Văn T và chị Trương Thị Thanh K.

2. *Về nuôi con chung*: Anh T và chị K xác định không có.

3. *Về tài sản chung*: Anh T và chị K xác định không có.

4. *Về nghĩa vụ chung*: Anh T và chị K xác định không có.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 012860 ngày 05 tháng 12 năm 2019. Công nhận anh T đã nộp xong.

6. *Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn*.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Định Môn, huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng